TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2019/HNGĐ-PT Ngày: 10 - 6 - 2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Phạm Văn Tỉnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thuý Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Hoạ M, sinh năm 1987 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tạm trú: Số xx, đường X, khu phố x, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thành – Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Việt, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Quang P, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng do nguyên đơn Đinh Thị Hoạ M triệu tập:* Chị Phạm Dương Thị Ngọc N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Đinh Thị Hoạ M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Hoạ M trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau, chị và anh Đoàn Quang P tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 12/2013 (al) nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi thành hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không cho chị đi làm dẫn đến anh chị cự cãi nhau, anh P nhiều lần đánh chị nhưng chị không có báo cho chính quyền địa phương. Anh chị chính thức sống ly thân từ ngày 10/10/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn vì không còn tình cảm.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Đinh Phương T, sinh ngày 07/7/2014. Do cháu T là con gái nên chị xin được nuôi con, không anh P cấp dưỡng nuôi con. Con hiện đang sống chung với anh P từ lúc anh chị ly thân cho đến nay vì lúc đi anh không cho chị dẫn con theo. Trong thời gian con sống chung với anh P, anh P nhiều lần ngăn cản chị thăm con nhưng chị chỉ báo chính quyền địa phương 01 lần. Tuy nhiên, từ lúc hoà giải đến nay anh P đã tạo điều kiền để chị được thăm, đón con. Con đang học mầm non, chị nhận thấy về thể chất cháu phát triển tốt nhưng tinh thần không được ổn định, học tập chậm hơn các bạn do cháu thường xuyên nghỉ học và được anh P cho sử dụng điện thoại. Chị hiện tại làm chủ tiệm Spa tên R tại Bình Dương, có đất là vườn cao su, làm nhân viên quản lý cho nhà nghỉ nên tổng thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 100 triệu đồng. Công việc hiện tại của chị có đi làm ở các tỉnh nhưng nếu cháu T sống với chị thì chị sẽ giao công việc này cho nhân viên, chị ở tiệm quản lý và chăm sóc con. Mặc dù chị ở nhà thuê nhưng thời hạn thuê là 05 năm, nhà xây dựng tốt nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Khi anh chị còn chung sống với nhau thì anh P làm nhân viên Sale mỹ phẩm, mức thu nhập hàng tháng bao nhiêu chị không biết vì anh P không đưa tiền cho chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Quang P trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất phần trình bày của chị M về điều kiện, thời gian thành hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị M thường xuyên đi làm ăn xa ở các tỉnh nên anh ghen, con không ai chăm sóc, anh yêu cầu chị M không đi làm ăn xa thì chị M không đồng ý nên anh chị xảy ra cự cãi và anh có đánh chị M nhưng chỉ đánh vài bạt tay. Anh chị chính thức sống ly thân từ ngày 10/10/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh có liên lạc để hàn gắn với chị M nhưng chị M không đồng ý. Nay anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Đinh Phương T, sinh ngày 07/7/2014. Nay ly hôn anh xin nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Con đang sống với anh từ lúc anh chị sống ly thân cho đến nay. Khi

chị M đi ra khỏi nhà chị giao con cho anh nuôi, anh không có ngăn cản chị M dắt con đi cùng như lời chị M trình bày. Sau khi ly thân, chị M vẫn đến thăm, rước con về ngoại chơi bình thường. Ngày 08/10/2018, anh không ngăn cản chị M thăm con mà không cho chị M vào nhà vì chị M đã dắt con đi chung với người đàn ông khác, anh có nói chị M thăm con anh dẫn ra đường cho thăm. Từ đó trở về sau thì chị M vẫn thăm rước con bình thường. Con đang học mầm non tại Nhóm trẻ Hoa Đào, ở xã Tân Thành Bình, con nghỉ học là vào các ngày trời lạnh, con bệnh hoặc chị M đến rước con về ngoại chơi nhiều ngày. Về thể chất, tinh thần của cháu phát triển bình thường. Anh hiện làm giám sát kinh doanh cho Công ty TNHH T.P Việt Nam ở Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập mỗi tháng khoảng 17 triệu đồng. Anh được biết chị M làm uốn tóc, phun xăm ở Bình Dương, còn thu nhập bao nhiêu anh không biết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Người làm chứng do nguyên đơn Đinh Thị Hoạ M triệu tập trình bày:

Chị là học trò cũ của chị Đinh Thị Hoạ M và đang hợp tác làm ăn với chị M. Khi chị M có khách ở các tỉnh với số lượng nhiều, chị M sẽ liên hệ với chị để cùng nhau đi làm. Khi chị M và anh P còn sống chung, chị từng chứng kiến anh P đánh chị M và cho con chơi game đến 02 giờ sáng, lúc đó cháu T khoảng 04 tuổi. Trong thời gian cháu T sống với anh P, nhiều lần anh P ngăn cản chị M đến thăm cháu T.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Mỏ Cày Bắc đem vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08/3/2019 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã quyết định như sau:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị Hoạ M và anh Đoàn Quang P là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Đoàn Quang P được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Đinh Phương T, sinh ngày 07/7/2014, chị Đinh Thị Hoạ M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đoàn Quang P không có yêu cầu.

Cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/3/2019 nguyên đơn chị Đinh Thị Hoạ M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của chị cho chị được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh thường xuyên đi làm không thường xuyên chăm sóc con, không đảm bảo việc đưa đón con hằng ngày đi học mà để xe ôm đưa đón. Cháu T là bé gái nên việc để cho mẹ là chị M chăm sóc cháu thì sẽ tốt hơn anh P. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đinh Thị Hoạ M và anh Đoàn Quang P tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Mặc dù cả anh và chị đều đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không thực hiện. Do có, có cơ sở xác định quan hệ giữa chị M và anh P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh P. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

[2] Chị Đinh Thị Hoạ M kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đinh Phương T, sinh ngày 07/7/2014 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm cả anh P và chị M đều có nguyện vọng nuôi con chung. Nhận thấy, cả anh chị đều có nghề nghiệp ổn định đảm bảo có thể nuôi cháu T. Tuy nhiên, hiện nay cháu đang sống cùng với anh P từ lúc anh chị ly thân cho đến nay, trong thời gian này anh P vẫn đảm bảo cho cháu được phát triển bình thường về mặt thể chất lẫn

tinh thần cũng như việc học tập của cháu, chị M cho rằng cháu T là bé gái nên việc ở với mẹ sẽ thuận tiện hơn là chưa có cơ sở. Tại cấp sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm hôm nay chị đều cho rằng cháu có dấu hiệu phát triển không bình thường về mặt tinh thần, khi chị muốn dẫn cháu T đi khỏi nhà thì anh P không đồng ý, tuy nhiên chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Chị còn cho rằng anh P ngăn cản không cho chị đến thăm con, chị có báo với địa phương 01 lần. Từ lúc tham gia hoà giải tại toà đến nay anh P đã đảm bảo tạo điều kiện để chị được thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì vậy, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý của cháu T nên để cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh P cũng không yêu cầu chị M cấp dưỡng nên ghi nhận. Từ những phân tích trên nhận thấy kháng cáo của chị M là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị M phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Đinh Thị Hoạ M.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị Hoạ M và anh Đoàn Quang P là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Đoàn Quang P được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Đinh Phương T, sinh ngày 07/7/2014, chị Đinh Thị Hoạ M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đoàn Quang P không có yêu cầu.

Cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo Luật Hôn nhân và gia đình và

các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

4. Về án phí:

- Chị Đinh Thị Hoạ M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000321 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

- Chị Đinh Thị Hoạ M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000495 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương